

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT,
VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH
DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch
Ông Dương Hùng Văn	Thành viên
Ông Vũ Chi Viện	Thành viên
Ông Trần Ngọc Chương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kiều Liên	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Hùng Văn	Giám đốc
Ông Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Điệp	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Trường	Phó Giám đốc
Ông Vũ Chi Viện	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Dương Hùng Văn
Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Số: 367/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đào Thái Thịnh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số 1867-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay “Deloitte Toàn cầu”) không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

65A Đường 30/4, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		2.491.219.292.262	1.377.053.905.677
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.069.594.044.340	572.340.815.020
1. Tiền	111		754.594.044.340	492.340.815.020
2. Các khoản tương đương tiền	112		315.000.000.000	80.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.227.896.083.360	668.412.495.604
1. Phải thu khách hàng	131	6	1.115.208.742.399	506.972.191.121
2. Trả trước cho người bán	132		34.380.048.746	72.379.435.070
3. Các khoản phải thu khác	135	7	78.307.292.215	89.380.575.030
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(319.705.617)
III. Hàng tồn kho	140	8	180.401.112.943	131.317.217.827
1. Hàng tồn kho	141		180.401.112.943	131.317.217.827
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.328.051.619	4.983.377.226
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		407.120.000	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		12.920.931.619	4.983.377.226
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		341.248.874.028	456.293.547.759
I. Tài sản cố định	220		332.207.046.887	407.883.388.311
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	324.144.639.101	407.775.186.943
- Nguyên giá	222		806.708.914.163	775.176.979.134
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(482.564.275.062)	(367.401.792.191)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	8.062.407.786	108.201.368
- Nguyên giá	228		9.399.825.800	689.746.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.337.418.014)	(581.545.432)
II. Tài sản dài hạn khác	260		9.041.827.141	48.410.159.448
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		36.000.000	589.038.717
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	11	8.963.827.141	47.821.120.731
3. Tài sản dài hạn khác	268		42.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.832.468.166.290	1.833.347.453.436

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014		31/12/2013	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.901.472.750.295		1.155.751.118.687	
I. Nợ ngắn hạn	310		1.780.900.708.208		980.352.103.016	
1. Phải trả người bán	312		1.241.945.296.401		572.404.776.286	
2. Người mua trả tiền trước	313		201.536.950.117		70.681.308.877	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	84.128.095.717		122.313.804.980	
4. Phải trả người lao động	315		50.989.689.027		35.396.445.165	
5. Chi phí phải trả	316	13	114.596.550.574		93.782.109.764	
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	86.320.555.902		84.800.064.424	
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.383.570.470		973.593.520	
II. Nợ dài hạn	330		120.572.042.087		175.399.015.671	
1. Phải trả dài hạn khác	333	15	103.693.000.000		170.253.680.000	
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		16.879.042.087		5.145.335.671	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		930.995.415.995		677.596.334.749	
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	930.995.415.995		677.596.334.749	
1. Vốn điều lệ	411		400.000.000.000		400.000.000.000	
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.715.964.235		8.715.964.235	
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		29.120.000.000		7.000.000.000	
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		493.159.451.760		261.880.370.514	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.832.468.166.290		1.833.347.453.436	
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2014		31/12/2013	
Ngoại tệ						
- Đô la Mỹ (USD)			16.009.609		13.123.623	



Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu



Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng



Dương Hùng Văn
Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẤP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014		2013	
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		5.230.936.110.801		4.063.701.154.381	
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10	18	5.230.936.110.801		4.063.701.154.381	
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	19	4.598.644.469.456		3.616.105.104.050	
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		632.291.641.345		447.596.050.331	
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	21.737.741.422		21.913.683.667	
6. Chi phí tài chính	22	22	18.973.168.477		23.587.321.717	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.104.570.926		12.552.822.178	
7. Chi phí bán hàng	24		24.992.154.098		23.684.740.724	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		84.044.088.254		68.418.469.438	
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		526.019.971.938		353.819.202.119	
10. Thu nhập khác	31		7.924.738.485		123.747.963	
11. Chi phí khác	32		5.131.622.507		534.032.924	
12. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		2.793.115.978		(410.284.961)	
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		528.813.087.916		353.408.917.158	
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	81.456.713.080		129.180.260.120	
15. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	11	38.857.293.590		(33.593.055.715)	
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		408.499.081.246		257.821.712.753	
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	10.212		6.446	



Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu



Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng



Dương Hùng Văn
Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	528.813.087.916	353.408.917.158
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	116.187.832.135	112.374.450.365
Các khoản dự phòng	03	(319.705.617)	319.705.617
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.839.710.850)	(404.465.875)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(7.904.398.291)	(11.062.105.247)
Chi phí lãi vay	06	8.104.570.926	12.552.822.178
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	643.041.676.219	467.189.324.196
Thay đổi các khoản phải thu	09	(554.807.168.778)	247.403.169.325
Thay đổi hàng tồn kho	10	(49.083.895.116)	(119.757.001.197)
Thay đổi các khoản phải trả	11	781.189.470.701	(359.393.362.566)
Thay đổi chi phí trả trước	12	145.918.717	2.764.316.890
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.104.570.926)	(12.552.822.178)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(136.528.035.566)	(66.356.911.516)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(22.669.577.443)	(12.368.245.878)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	653.183.817.808	146.928.467.076
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21	(27.289.909.265)	(16.591.692.970)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	241.818.182	2.818.182
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	7.115.794.218	11.062.105.247
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.932.296.865)	(5.526.769.541)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(139.769.037.500)	(50.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(139.769.037.500)	(50.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	493.482.483.443	91.401.697.535
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	572.340.815.020	480.460.866.546
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.770.745.877	478.250.939
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.069.594.044.340	572.340.815.020

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 13.386.654.764 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 4.466.030.694 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.


Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu


Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng


Dương Hùng Văn
Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500818790 ngày 27 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Cổ đông chính và công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PTSC”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 570 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 550).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ sau:

- (i) Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí;
- (ii) Dịch vụ di dời thu gom mỏ sau khi kết thúc các chu kỳ khai thác ngoài biển;
- (iii) Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình dầu khí;
- (iv) Dịch vụ cung ứng nhân lực cho các công tác lắp đặt và đấu nối chạy thử, hỗ trợ vận hành và bảo dưỡng;
- (v) Dịch vụ kho ngoại quan phục vụ công tác vận hành, bảo dưỡng lắp đặt và đấu nối chạy thử; Dịch vụ sửa chữa máy móc thiết bị;
- (vi) Dịch vụ đo lường, điều khiển cho các công trình dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng, mua bán phụ tùng;
- (vii) Kinh doanh, lắp đặt, bảo trì sửa chữa trang thiết bị phòng cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng; và
- (viii) Quản lý vận hành, khai thác và kinh doanh các dịch vụ cung cấp Sà lan nhà ở và các phương tiện nổi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, và phải trả dài hạn khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	06 - 07
Thiết bị văn phòng	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa khoản thu từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ trong 3 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí bảo dưỡng tài sản trả trước và chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa khối lượng thực tế thực hiện so với tổng khối lượng công việc dự toán của hợp đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	92.309.422	383.457.822
Tiền gửi ngân hàng	754.501.734.918	491.957.357.198
Các khoản tương đương tiền	315.000.000.000	80.000.000.000
	<u>1.069.594.044.340</u>	<u>572.340.815.020</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng với lãi suất tương ứng từ 4% đến 5%/năm (năm 2013: từ 7% đến 9%/ năm).

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	740.139.668.203	72.795.555.617
Các công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	23.789.651.571	-
Bên thứ ba	351.279.422.625	434.176.635.504
	<u>1.115.208.742.399</u>	<u>506.972.191.121</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng chưa được kê khai	43.308.773.941	36.589.042.095
Lãi tiền gửi dự thu	849.722.223	137.863.014
Phải thu nội bộ từ PTSC	14.771.353.922	44.304.182.091
Phải thu thuế nội bộ nhà thầu	17.304.895.757	-
Phải thu khác	2.072.546.372	8.349.487.830
	<u>78.307.292.215</u>	<u>89.380.575.030</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	512.087.294	513.388.723
Công cụ, dụng cụ	131.725.126	36.342.344
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	179.757.300.523	130.767.486.760
	<u>180.401.112.943</u>	<u>131.317.217.827</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**65A Đường 30/4, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm chi phí mua ngoài của các dự án dở dang bao gồm:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án Pipeline Thái Bình Hàm Rồng	126.288.439.590	-
Dự án Ruby A	10.744.625.541	86.734.905.657
Dự án HUC Sư Tử Nâu	-	555.247.185
Dự án RBI	-	4.851.795.830
Dự án Biển Đông 1 - HUC Hải Tinh 1	-	26.703.440.438
Dự án Đại Hùng	13.317.849.342	-
Các dự án khác	29.406.386.050	11.922.097.650
	<u>179.757.300.523</u>	<u>130.767.486.760</u>

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	46.307.143.821	72.621.152.508	646.257.614.605	9.991.068.200	775.176.979.134
Tăng trong năm	3.252.688.935	19.818.781.096	4.587.928.854	4.307.086.144	31.966.485.029
Thanh lý	-	(78.350.000)	-	(166.500.000)	(244.850.000)
Giảm khác	-	(189.700.000)	-	-	(189.700.000)
Tại ngày 31/12/2014	<u>49.559.832.756</u>	<u>92.171.883.604</u>	<u>650.845.543.459</u>	<u>14.131.654.344</u>	<u>806.708.914.163</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	19.018.587.059	37.539.158.739	305.267.089.655	5.576.956.738	367.401.792.191
Khấu hao trong năm	7.174.748.781	12.805.930.405	92.798.979.141	2.652.301.226	115.431.959.553
Thanh lý	-	(31.170.534)	-	(166.500.000)	(197.670.534)
Giảm khác	-	(71.806.148)	-	-	(71.806.148)
Tại ngày 31/12/2014	<u>26.193.335.840</u>	<u>50.242.112.462</u>	<u>398.066.068.796</u>	<u>8.062.757.964</u>	<u>482.564.275.062</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	<u>23.366.496.916</u>	<u>41.929.771.142</u>	<u>252.779.474.663</u>	<u>6.068.896.380</u>	<u>324.144.639.101</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>27.288.556.762</u>	<u>35.081.993.769</u>	<u>340.990.524.950</u>	<u>4.414.111.462</u>	<u>407.775.186.943</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 25.579.239.310 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 11.100.533.010 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014	689.746.800
Tăng trong năm	8.710.079.000
Tại ngày 31/12/2014	<u>9.399.825.800</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	581.545.432
Khấu hao trong năm	755.872.582
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.337.418.014</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>8.062.407.786</u></u>
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>108.201.368</u></u>

11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm nay và năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Doanh thu chưa thực hiện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	13.186.665.016	1.041.400.000	-	14.228.065.016
Ghi nhận lợi nhuận trong năm	33.502.481.868	90.573.847	-	33.593.055.715
Tại ngày 31/12/2013	<u>46.689.146.884</u>	<u>1.131.973.847</u>	-	<u>47.821.120.731</u>
Ghi nhận chi phí trong năm	(41.826.725.286)	2.581.415.412	388.016.284	(38.857.293.590)
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>4.862.421.598</u></u>	<u><u>3.713.389.259</u></u>	<u><u>388.016.284</u></u>	<u><u>8.963.827.141</u></u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	32.935.656.540	7.555.342.839
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.126.693.309	92.198.015.795
Thuế thu nhập cá nhân	2.834.528.561	3.935.026.959
Thuế nhà thầu	11.231.217.307	18.625.419.387
	<u><u>84.128.095.717</u></u>	<u><u>122.313.804.980</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.555.342.839	229.070.727.513	203.690.413.812	32.935.656.540
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	38.062.789.036	38.062.789.036	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	6.302.522.321	6.302.522.321	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	92.198.015.795	81.456.713.080	136.528.035.566	37.126.693.309
Thuế thu nhập cá nhân	3.935.026.959	33.470.041.044	34.570.539.442	2.834.528.561
Thuế tài nguyên	-	877.650.001	877.650.001	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế TNDN nhà thầu phụ	7.541.321.734	45.103.759.267	48.597.758.337	4.047.322.664
Thuế GTGT nhà thầu phụ	11.084.097.653	75.975.205.507	79.875.408.517	7.183.894.643
	<u>122.313.804.980</u>	<u>510.322.407.769</u>	<u>548.508.117.032</u>	<u>84.128.095.717</u>

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước chi phí quản lý	-	82.189.460
Trích trước chi phí dự án	79.515.046.012	78.877.345.176
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	32.557.029.441	13.488.000.000
Trích trước chi phí khác	2.524.475.121	1.334.575.128
	<u>114.596.550.574</u>	<u>93.782.109.764</u>

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	719.304.788	704.781.108
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	735.886.409
Phải trả cán bộ công nhân viên	6.516.378.035	10.747.137.311
Trích trước thuế nhà thầu	6.554.086.832	3.771.263.395
Phải trả PTSC (Xem Thuyết minh số 26)	69.057.400.000	68.059.330.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.473.386.247	781.666.201
	<u>86.320.555.902</u>	<u>84.800.064.424</u>

15. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác thể hiện khoản phải trả cho PTSC liên quan đến số tiền PTSC vay hộ cho Công ty để đầu tư vào hai sà lan thuộc sở hữu của Công ty trong năm 2010. Các khoản vay này bao gồm hợp đồng vay với số tiền 21.000.000 Đô la Mỹ từ Ngân hàng Bangkok Đại chúng - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn 7 năm và chịu lãi suất SIBOR 6 tháng cộng 3,4% một năm và hợp đồng vay từ Ngân hàng Điện Liên Việt với số tiền 45.000.000.000 đồng có thời hạn 5 năm và chịu lãi suất bằng bình quân lãi suất tiết kiệm cộng 2,6% một năm. Nợ gốc và lãi vay được thanh toán thông qua PTSC khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản phải trả dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	69.057.400.000	68.059.330.000
Trong năm thứ hai	69.057.400.000	68.059.330.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	34.635.600.000	102.194.350.000
	172.750.400.000	238.313.010.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(69.057.400.000)	(68.059.330.000)
Số phải trả sau 12 tháng	103.693.000.000	170.253.680.000

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư tại 01/01/2013	400.000.000.000	1.754.770.078	2.000.000.000	74.019.851.917	477.774.621.995
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	257.821.712.753	257.821.712.753
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	6.961.194.157	5.000.000.000	(19.961.194.156)	(7.999.999.999)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Số dư tại 31/12/2013	400.000.000.000	8.715.964.235	7.000.000.000	261.880.370.514	677.596.334.749
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	408.499.081.246	408.499.081.246
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	22.120.000.000	(37.220.000.000)	(15.100.000.000)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(140.000.000.000)	(140.000.000.000)
Số dư tại 31/12/2014	400.000.000.000	8.715.964.235	29.120.000.000	493.159.451.760	930.995.415.995

Tại ngày 22 tháng 3 năm 2014, theo Nghị Quyết số 01/NQ-HĐQT-LĐBD-ĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng Quản trị Công ty đã công bố chia cổ tức bổ sung của năm 2013 và trích lập các quỹ từ một phần lợi nhuận chưa phân phối của năm 2013 với số tiền lần lượt là 140.000.000.000 đồng và 37.220.000.000 đồng. Trong năm, Công ty đã thanh toán cổ tức với số tiền 139.768.037.500 đồng cho các cổ đông của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, tương đương với 40.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ đã được góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần			Vốn thực góp tại ngày	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số tiền	31/12/2014	31/12/2013
			<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	33.980.700	85%	339.807.000.000	339.807.000.000	339.807.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	4.000.000	10%	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Cổ đông khác	2.019.300	5%	20.193.000.000	20.193.000.000	20.193.000.000
Tổng cộng	40.000.000	100%	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty hiện không có hơn một bộ phận nào hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là cung cấp các dịch vụ quản lý, điều hành hoạt động xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo dưỡng công trình dầu khí biển, cung ứng hàng hóa, nhân lực và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

18. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dịch vụ cung ứng lao động	2.545.146.319	2.825.640.463
Dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng	138.879.495.079	48.755.227.635
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển	4.693.888.322.648	3.370.873.021.944
Dịch vụ lao động theo chính sách nhà thầu	181.653.906.655	206.246.767.277
Dịch vụ quản lý vận hành và bảo dưỡng	213.969.240.100	435.000.497.062
	<u>5.230.936.110.801</u>	<u>4.063.701.154.381</u>

19. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dịch vụ cung ứng lao động	1.747.742.249	2.571.263.986
Dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng	129.924.532.406	40.370.335.518
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển	4.106.389.616.155	2.964.621.604.789
Dịch vụ lao động theo chính sách nhà thầu	189.371.025.476	193.039.053.313
Dịch vụ quản lý vận hành và bảo dưỡng	171.211.553.170	415.502.846.444
	<u>4.598.644.469.456</u>	<u>3.616.105.104.050</u>

20. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu	433.326.028.090	337.316.668.664
Chi phí nhân công	317.750.276.150	238.544.097.423
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.187.832.135	112.374.450.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.016.735.449.307	3.143.494.444.789
Chi phí khác	3.438.426.649	7.246.139.731
	<u>4.887.438.012.331</u>	<u>3.838.975.800.972</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.827.653.427	12.550.706.759
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.070.377.145	9.362.976.908
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.839.710.850	-
	21.737.741.422	21.913.683.667

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.104.570.926	12.552.822.178
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.868.597.551	10.468.356.212
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	404.465.875
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	161.677.452
	18.973.168.477	23.587.321.717

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	528.813.087.916	353.408.917.158
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thay đổi các khoản phải trả	(198.012.277.431)	117.575.396.413
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	39.456.976.244	45.736.726.909
Thu nhập chịu thuế	370.257.786.729	516.721.040.480
Thuế suất thông thường	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	81.456.713.080	129.180.260.120

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và áp dụng thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2014	2013
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	408.499.081.246	257.821.712.753
Số bình quân của cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.212	6.446

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm khoản PTSC vay hộ như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận chưa phân phối).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.069.594.044.340	572.340.815.020
Phải thu khách hàng	1.115.208.742.399	506.652.485.504
Các khoản phải thu khác	15.866.608.335	52.791.532.935
Các khoản ký quỹ	11.919.738.073	-
	2.212.589.133.147	1.131.784.833.459
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	1.241.945.296.401	572.404.776.286
Chi phí phải trả	114.596.550.574	93.782.109.764
Phải trả khác	69.868.509.664	68.075.514.833
Phải trả dài hạn khác	103.693.000.000	170.253.680.000
	1.530.103.356.639	904.516.080.883

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

65A Đường 30/4, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	<u>1.104.832.312.789</u>	<u>553.090.514.988</u>	<u>1.091.889.801.808</u>	<u>485.839.137.202</u>

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2014	2013
	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	<u>647.125.549</u>	<u>3.362.568.889</u>

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 1.727.504.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.383.130.100 đồng).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản VND	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VND	100	(1.727.504.000)
VND	<u>(100)</u>	<u>1.727.504.000</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VND	100	(2.383.130.100)
VND	<u>(100)</u>	<u>2.383.130.100</u>

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

65A Đường 30/4, Phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương	1.069.594.044.340	-	1.069.594.044.340
Phải thu khách hàng	1.115.208.742.399	-	1.115.208.742.399
Các khoản phải thu khác	15.866.608.335	-	15.866.608.335
Các khoản ký quỹ	11.877.738.073	42.000.000	11.919.738.073
	2.212.547.133.147	42.000.000	2.212.589.133.147
Phải trả người bán	1.241.945.296.401	-	1.241.945.296.401
Chi phí phải trả	114.596.550.574	-	114.596.550.574
Phải trả khác	69.868.509.664	-	69.868.509.664
Phải trả dài hạn khác	-	103.693.000.000	103.693.000.000
	1.426.410.356.639	103.693.000.000	1.530.103.356.639
Chênh lệch thanh khoản thuần	786.136.776.508	(103.651.000.000)	682.485.776.508
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	572.340.815.020	-	572.340.815.020
Phải thu khách hàng	506.652.485.504	-	506.652.485.504
Các khoản phải thu khác	52.791.532.935	-	52.791.532.935
	1.131.784.833.459	-	1.131.784.833.459
Phải trả người bán	572.404.776.286	-	572.404.776.286
Chi phí phải trả	93.782.109.764	-	93.782.109.764
Phải trả khác	68.075.514.833	-	68.075.514.833
Phải trả dài hạn khác	-	170.253.680.000	170.253.680.000
	734.262.400.883	170.253.680.000	904.516.080.883
Chênh lệch thanh khoản thuần	397.522.432.576	(170.253.680.000)	227.268.752.576

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Chi nhánh PTSC- Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí

Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải PTSC

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình
ngầm PTSC

Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC

Chi nhánh PTSC tại Hà Nội

Chi nhánh PTSC- Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí

Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi

Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC

Chi nhánh PTSC - Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí
PTSC Đà Nẵng

Các công ty thuộc Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam

Mối quan hệ

Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ
Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ
Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ
Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ
Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ
Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ
Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ
Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ
Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ
Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu		
Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	433.512.325.936	1.749.469.396
Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải PTSC	1.929.414.665.453	1.803.216.933.873
Chi nhánh PTSC- Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	7.720.333.979	-
Các thành viên thuộc tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công Ty Khí Việt Nam - Công Ty Cổ phần	131.632.575.824	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	48.235.288.820	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	<u>82.528.081.925</u>	<u>-</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua hàng		
Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	500.000.000	16.174.031.687
Chi nhánh PTSC- Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	68.090.778.919	69.474.182.568
Chi nhánh PTSC- Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	38.114.591.376	44.294.265.069
Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải PTSC	26.514.993.827	28.789.092.486
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	4.934.440.287	2.452.483.688
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	6.460.136.460	8.508.659.580
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	7.599.614.599	3.264.009.936
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	<u>71.945.044.700</u>	<u>-</u>
Các thành viên thuộc tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP (PVE)	13.558.933.038	-
Công ty Cổ phần Thương Mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan	173.062.293.331	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	<u>16.815.846.149</u>	<u>-</u>
	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí tài chính		
Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	<u>8.112.899.578</u>	<u>12.552.822.178</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị trong năm như sau:		
	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng thu nhập	<u>6.429.619.900</u>	<u>4.237.713.483</u>
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:		
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam		
Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải PTSC	734.724.229.987	72.795.555.617
Chi nhánh PTSC - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	5.398.773.216	68.362.690
Các thành viên thuộc tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	<u>23.214.777.133</u>	<u>-</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản phải thu khác		
Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	14.771.353.922	44.304.182.091
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trả trước cho người bán		
Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam		
Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải PTSC	9.680.290.712	-
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản phải trả		
Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam		
Chi nhánh PTSC - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	42.826.346.591	41.412.755.298
Chi nhánh PTSC - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	23.321.348.040	22.773.796.590
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	40.281.218.720	-
Các thành viên thuộc tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Công ty Cổ phần Thương Mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí	7.477.353.854	-
Tổng Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí	3.501.341.296	-
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	201.536.950.117	13.310.399.729
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	172.750.400.000	241.807.800.000

Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu

Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng



Đương Hùng Văn
Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015